

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 9- 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Hoàng Bá**– Phó Chủ tịch MTTQ huyện Vĩnh Thạnh;
2. Bà **Ngô Thị Phương Trang**– Nguyên cán bộ huyện đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Hạnh**– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Hồng N**, sinh năm 1986. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện V, TP. C.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, ấp P, phường P, thị xã T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1987. Vắng mặt lần 2.

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện V, TP. C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Hồng N trình bày và yêu cầu: Bà và ông Trần Văn Đ do mai mối, cùng yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào ngày 26/02/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố C vào ngày 05/07/2007. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn hôn nhân không hạnh

phúc đến khoảng năm 2021 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông Đ có người phụ nữ khác bên ngoài, không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên công việc làm ăn kinh tế tài chính gia đình luôn gặp khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi. Trong thời gian ly thân, cả hai không gặp nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Thái K, sinh ngày 21/5/2007 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 30/4/2017. Hiện hai con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn Đ trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ nhiều lần tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nghi nên Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Giao cháu Trần Thái K, sinh ngày 21/5/2007 và cháu Trần Thị Kim T, sinh ngày 30/4/2017 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà N yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Đ nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Đ có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện V, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là có cơ sở.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Đ có đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của bà Nghi, Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Đ không hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do mâu thuẫn tình cảm gia đình, ông Đ có người phụ nữ khác bên ngoài, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ và con, bà đã nhiều lần khuyên can, cho cơ hội nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Từ đó, dẫn đến vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên cự cãi. Nên bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Từ khi ly thân cả hai không gặp nhau cũng như không có biện pháp hàn gắn tình cảm, cho thấy hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nghi được ly hôn với ông Đ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông Đ có hai con chung là Trần Thái K, sinh ngày 21/5/2007 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 30/4/2017. Từ khi ly thân đến nay hai cháu sống với bà N. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về vấn đề nuôi con: Việc giao con cho ai nuôi phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con, từ khi ly thân đến nay hai con do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để tạo điều kiện trong sinh hoạt và ổn định tâm lý cho hai con nên cần chấp nhận yêu cầu của bà N giao hai con chung cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét quá trình giải quyết vụ án bà Nghi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà N nên Hội đồng xét xử chấp, không buộc ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Hồng N đối với bị đơn ông Trần Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trương Thị Hồng N được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thái K, sinh ngày 21/5/2007 và Trần Thị Kim T, sinh ngày 30/4/2017 cho bà Trương Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu. Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006153 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Công nhận bà N đã nộp và chi xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND h. Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS h. Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào

